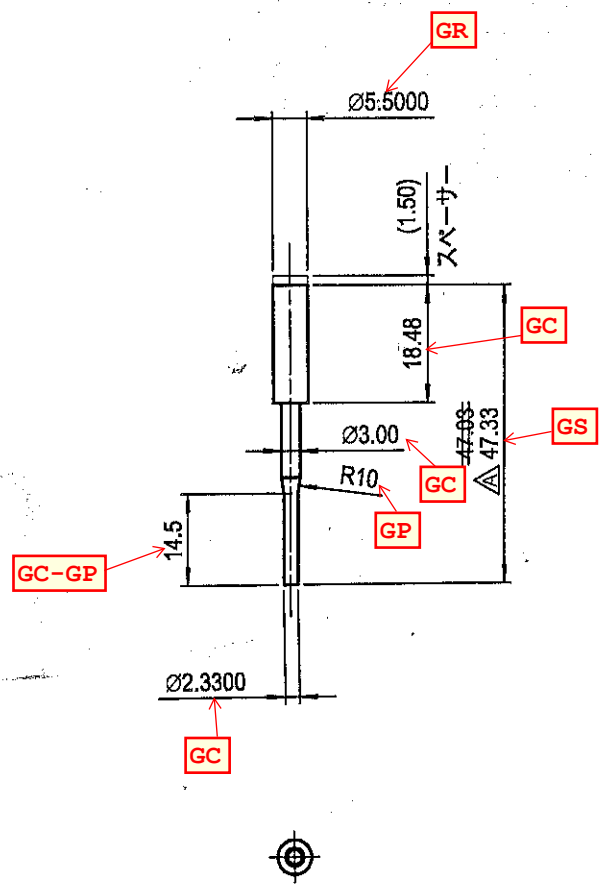


125.

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
Init.						0.0000	±0.002	0.000	+0 -0.006
△a	2014/03/19	吃入量變更(0.3→0.6)(S083226→S914642)	VDIA-XLB-1403-001	Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	0.000	±0.005	0.000	+0 -0.006
△						0.00	±0.01	0.00	+0 -0.01
△						0.0	±0.1	0.00	+0 -0
△						0.	±0.2	0.0	+0 -0.1

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED
FINISH MARKS
G ▽▽▽



DWN.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	部品図 PART DRAWING	パンチ PUNCH
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図	沖頭
HRC		部品図	沖頭

SNO: **S914642**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 Ø6*70	GR:60 GS:30 GC:75 GP:30 KT